

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/DS-ST

Ngày: 18-9-2019

V/v tranh chấp “Giao dịch dân sự,
hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng
mua bán và Bảo đảm thực hiện
nghĩa vụ thuộc trường hợp đặt cọc”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuronne

2. Bà Lưu Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà: Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thanh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp: “Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng mua bán và Bảo đảm nghĩa vụ thuộc trường hợp Đặt cọc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Anh Huỳnh Hoàng L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số 287/1, ấp H, xã X, huyện K, tỉnh S.

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961.

Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1962.

(Ông Huỳnh Văn N ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị H theo giấy ủy quyền ngày 08/8/2019)

Cùng địa chỉ: số 373/1, ấp H, xã X, huyện K, tỉnh S

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2019, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Anh Huỳnh Hoàng L cùng trình bày:

Ngày 20/4/2019, anh L có đến vườn Sầu Riêng của vợ chồng Ông Huỳnh Văn N và Bà Nguyễn Thị H giao dịch mua bán trái cây, hai bên thỏa thuận miệng giá Sầu Riêng 40.000đồng/01kg, đồng thời anh L có đặt cọc cho ông Nam, bà H số tiền 2.000.000 đồng để làm tin. Việc hợp đồng mua bán và giao nhận tiền cọc không có làm biên nhận hay giấy tờ gì.

Đến ngày 24 và 25/4/2019, anh L đến thu hoạch Sầu Riêng tại vườn ông N và bà H lần thứ nhất và đã thanh toán xong. Tuy nhiên, do trong vườn của ông N, bà H vẫn còn trái Sầu Riêng nên hai bên có thỏa thuận miệng sẽ thu hoạch tiếp vào ngày khác. Tại thời điểm này, tiền cọc 2.000.000 đồng ông Nam, bà H vẫn còn giữ.

Ngày 19/5/2019 anh L tiếp tục đến vườn ông N, bà H thu hoạch Sầu Riêng lần thứ 2 thì vợ chồng ông N và bà H không cho hái.

Đến ngày 21/5/2019 ông N và bà H đã bán Sầu Riêng cho người khác với giá 47.000 đồng/01kg, số lượng 3.300kg.

Vào thời điểm ông N và bà H bán Sầu Riêng cho người khác, vợ chồng ông, bà vẫn còn giữ của anh L 2.000.000 đồng tiền đặt cọc.

Nay Anh Huỳnh Hoàng L yêu cầu vợ chồng ông N và bà H phải trả lại cho anh số tiền đặt cọc mua Sầu Riêng là 2.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho tôi với số tiền là 20.000.000 đồng. Cộng chung là 22.000.000 đồng.

Theo Bản tự khai ngày 04/8/2019, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và Ông Huỳnh Văn N là vợ chồng, bà H thừa nhận, vợ chồng bà có thỏa thuận miệng mua bán Sầu Riêng với Anh Huỳnh Hoàng L vào ngày 13/4/2019. Hai bên thỏa thuận giá 40.000 đồng/01kg và anh L có đặt cọc cho vợ chồng bà số tiền là 2.000.000 đồng.

Sau đó, anh L xuống thu hoạch Sầu Riêng tại vườn của vợ chồng bà nhiều lần, cộng chung khoảng 1.500kg, hai bên đã thanh toán xong. Riêng 2.000.000 đồng tiền đặt cọc thì vợ chồng bà có đưa trả lại cho anh L, nhưng anh L không

nhận nên vẫn còn giữ cho đến nay.

Khi anh L thu hoạch khoảng 1.500kg trái Sầu Riêng thì trong vườn của vợ chồng bà vẫn còn trái chưa thu hoạch, sản lượng trên 3.000kg.

Sau đó, vợ chồng bà H có nhiều lần liên hệ với anh L yêu cầu thỏa thuận lại phần Sầu Riêng chưa thu hoạch, nhưng anh L không chịu xuống. Do Sầu Riêng đang chín rộ nên vợ chồng bà H đã bán cho người khác với giá 47.000 đồng/01kg, tổng cộng 3.100kg.

Nay Anh Huỳnh Hoàng L yêu cầu vợ chồng bà phải trả lại cho anh L số tiền đặt cọc mua Sầu Riêng là 2.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại với số tiền là 20.000.000 đồng. Cộng chung là 22.000.000 đồng thì bà H và chồng là ông N có ý kiến như sau:

Phần tiền đặt cọc 2.000.000 đồng mà vợ chồng bà đã nhận của Anh Huỳnh Hoàng L thì đồng ý trả.

Phần tiền bồi thường thiệt hại là 20.000.000 đồng theo yêu cầu của anh L thì không đồng ý trả với lý do, vợ chồng bà không có lỗi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhận thấy các bị đơn có nhận tiền cọc của Anh Huỳnh Hoàng L là 2.000.000 đồng đến nay chưa trả lại. Cho nên, việc anh L đòi các bị đơn phải hoàn trả lại tiền đặt cọc 2.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Riêng về yêu cầu của anh L đòi bồi thường 20.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu này của Anh Huỳnh Hoàng L không chính đáng, đồng thời anh L cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về đánh giá chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, các bị đơn đều thừa nhận có giao dịch mua bán trái Sầu Riêng với nguyên đơn và nhận đặt cọc với số tiền 2.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán, nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Đối với hợp đồng mua bán trái Sầu Riêng, do nguyên đơn và các bị đơn đều xác định hai bên chưa thực hiện việc giao nhận về tài sản, nguyên đơn chưa thực hiện việc thu hoạch trái Sầu Riêng và cũng không có thanh toán tiền mua bán trái Sầu Riêng gì cho các bị đơn tại lần giao dịch sau này, vì vậy giữa nguyên đơn và các bị đơn chưa phát sinh về giao dịch mua bán tài sản nên không làm phát sinh về quyền, nghĩa vụ giữa bên mua và bên bán theo quy định tại các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải cùng chịu trách nhiệm trả lại các số tiền sau:

+ Tiền đặt cọc mua trái Sầu Riêng là 2.000.000 đồng.

+ Tiền bồi thường thiệt hại do các bị đơn không thực hiện tiếp việc giao dịch mua bán trái Sầu Riêng là 20.000.000 đồng..

Xét thấy, giữa nguyên đơn và các bị đơn đã có giao dịch về tài sản dưới hình thức hợp đồng mua bán trái cây và giao nhận tiền đặt cọc là có thật, đồng thời các bị đơn cũng đồng ý trả lại cho nguyên đơn số tiền nhận đặt cọc là 2.000.000 đồng. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi các bị đơn phải trả lại số tiền đặt cọc đã nhận là 2.000.000 đồng là chính đáng, có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn đòi các bị đơn phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Tại khoản 2, Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định: “..... nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Xét thấy, số tiền mà nguyên đơn yêu cầu vượt quá quy định tại khoản 2, Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và giữa nguyên đơn và bị đơn cũng không có bất cứ thỏa thuận nào khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Do các bị đơn đã không tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán với nguyên đơn, cho nên Hội đồng xét xử xác định các bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn một khoản tiền tương đương 2.000.000 đồng đặt cọc mà các bị đơn đã nhận là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí DSST:

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu về tiền không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 328, Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của Anh Huỳnh Hoàng L. Buộc Ông Huỳnh Văn N và Bà Nguyễn Thị H cùng chịu trách nhiệm trả lại cho Anh Huỳnh Hoàng L 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền đặt cọc.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu của Anh Huỳnh Hoàng L. Buộc Ông Huỳnh Văn N và Bà Nguyễn Thị H cùng chịu trách nhiệm trả lại cho Anh Huỳnh Hoàng L khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc với số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Cộng chung là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

[3] Về án phí, chi phí tố tụng:

Anh Huỳnh Hoàng L phải chịu án phí DSST đối với phần yêu cầu không được chấp nhận (tương ứng số tiền 18.000.000 đồng) là 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng). Do anh L đã nộp 550.000 đồng (năm trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008691 ngày 08/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách nên được khấu trừ và Anh Huỳnh Hoàng L phải nộp tiếp 350.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn N và Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, Anh Huỳnh Hoàng L, Bà Nguyễn Thị H có mặt tại phiên Tòa và có mặt khi tuyên án.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hải Duy

